

Số: 86 /KH-MNS1ST

Mường lay, ngày 30 tháng 09 năm 2025

KẾ HOẠCH VẬN ĐỘNG XÃ HỘI HÓA GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025-2026

Thực hiện Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 về việc quy định về tài trợ cho cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Công văn số 2642/SGDĐT-KHTC ngày 03/09/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc thực hiện các khoản thu trong các cơ sở giáo dục năm học 2025-2026;

Thực hiện công văn số: 700/UBND- VHXXH ngày 10 tháng 09 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Mường lay về việc thực hiện các khoản thu trong các cơ sở giáo dục năm học 2025-2026;

Thực hiện Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026;

Căn cứ biên bản làm việc của Hội đồng đánh giá thực trạng cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết thực hiện nhiệm vụ năm học 2025 -2026;

Trường mầm non số 1 Sá Tổng xây dựng kế hoạch công tác XHH giáo dục năm học 2025- 2026 gồm những nội dung cụ thể như sau:

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Làm chuyển biến nhận thức của các tổ chức, đoàn thể, các ngành, mọi cá nhân, tập thể trên địa bàn xã về vị trí, vai trò quan trọng của xã hội hóa giáo dục trong quá trình phát triển kinh tế, chính trị, xã hội của địa phương. Xác định rõ vai trò trách nhiệm nghĩa vụ học tập và đóng góp sức người, sức của để phát triển sự nghiệp giáo dục.

Huy động nguồn kinh phí hợp pháp để tu sửa, nâng cấp cơ sở vật chất nhà trường đảm bảo môi trường học tập ngày càng tốt hơn cho HS.

2. Yêu cầu

Tham mưu tốt cho cấp Ủy Đảng, chính quyền địa phương trong việc chỉ đạo, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, tạo điều kiện thuận lợi nhằm phát triển sự nghiệp giáo dục ở địa phương.

Phối hợp với các tổ chức xã hội, ban đại diện CMHS của trường trong việc thực hiện chủ trương xã hội hóa giáo dục, huy động đóng góp tự nguyện của nhân dân và các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài địa bàn để hỗ

trợ cơ sở vật chất, các hoạt động giáo dục của nhà trường góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục.

Việc vận động tài trợ phải đảm bảo nguyên tắc tự nguyện, công khai, minh bạch, không ép buộc, không quy định mức tài trợ bình quân, không quy định mức tài trợ tối thiểu, không lợi dụng việc tài trợ cho giáo dục để ép buộc đóng góp và không coi huy động tài trợ là điều kiện cho việc cung cấp dịch vụ giáo dục, đào tạo.

Thực hiện tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản tài trợ theo đúng quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/08/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về tài trợ cho cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Việc quản lý thu, chi thực hiện đúng theo nguyên tắc tài chính.

Quản lý, sử dụng các khoản tài trợ theo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích, không để thất thoát lãng phí.

Vận động XHH đảm bảo vừa sức, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Công khai việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản tài trợ tại đơn vị trường theo đúng các quy định của pháp luật.

III. ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LỢI

Học sinh Trường mầm non số 1 Sá Tổng xã Sá Tổng phường Mường Lay tỉnh Điện Biên.

IV. TÌNH HÌNH THỰC TẾ CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Những thuận lợi, khó khăn trong công tác huy động quỹ xã hội hóa của nhà trường trong năm học 2025– 2026

a. Thuận lợi

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của lãnh đạo phường, phòng văn hóa- xã hội, các ban ngành địa phương.

Các giáo viên trong trường đều có trình độ chuyên môn đạt từ chuẩn trở lên. Giáo viên luôn có tinh thần trách nhiệm cao, quyết tâm khắc phục mọi khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Học sinh được hưởng các chế độ chính sách của nhà nước và nâng cao tỷ lệ chuyên cần trong công tác chăm sóc giáo dục.

Cơ sở vật chất trang thiết bị dạy và học đã từng bước được nâng cao.

Nhà trường nhận được sự quan tâm chia sẻ của các tổ chức từ thiện, cá nhân, các doanh nghiệp ủng hộ đầu tư cho nhà trường.

b. Khó khăn

Đảng và nhà nước đã có nhiều chương trình đầu tư xây dựng nhiều dự án cho phát triển giáo dục, tuy nhiên do sử dụng lâu dài, các hạng mục phụ trợ đều đã xuống cấp.

Nhận thức của một số người dân về công tác giáo dục vẫn còn thấp, người dân nghèo, đa số còn ỷ lại trông chờ vào chế độ chính sách nhà nước.

Nhiều hộ gia đình nhân dân, học sinh có hoàn cảnh khó khăn thuộc hộ nghèo, cận nghèo.

Ban đại diện cha mẹ học sinh và cán bộ giáo viên chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác vận động xã hội hóa giáo dục.

Cơ sở vật chất của nhà trường một số công trình lớp học, sân chơi, nhà vệ sinh được xây dựng lâu năm đã xuống cấp và hỏng

Diện tích khuôn viên nhà trường còn chật hẹp chưa đủ nhu cầu cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

Hàng năm đồ dùng đồ chơi phục vụ cho trẻ cũng được cấp phát nhưng do nguồn kinh phí hạn hẹp nên đồ dùng đồ chơi cấp về số lượng ít không đảm bảo cho nhu cầu sử dụng của học sinh.

2. Thực trạng về cơ sở vật chất và các điều kiện phục vụ hoạt động giáo dục của nhà trường

Trường MN số 1 Sá Tổng có 16 lớp với 372 học sinh, Trong năm học 2025-2026 nhà trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2 và công nhận trường chuẩn quốc gia mức độ 1. Tuy nhiên một hạng mục CSVC còn thiếu và chưa đạt cần tu sửa, đầu tư để đáp ứng đúng theo quy định chuẩn như; mở rộng thêm khuôn viên nhà trường, hàng rào, sân chơi, các công trình vệ sinh, phụ trợ khác xuống cấp và hư hỏng

Để đáp ứng đầy đủ các tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường chuẩn quốc gia, thực hiện tốt kế hoạch nhiệm vụ năm học 2025 – 2026 và những năm tiếp theo, nhà trường cần phải đầu tư xây dựng, mua sắm, cải tạo thêm một số hạng mục như: mở rộng quỹ đất, tu sửa hàng rào, tu sửa cải tạo cảnh quan, khu vui chơi, lán sân chơi, làm nhà vệ sinh, nhà bếp, tu sửa hàng rào, bồn hoa, đồ dùng đồ chơi cho các bé tại trung tâm, các điểm trường Xà Phình 1+2, Đê Dê, Tà Mò Sớ, Tà Chớ, Phi 2 nhưng do kinh phí của đơn vị hạn hẹp không đủ thể thực hiện hết các nội dung trên.

3. Về nguồn kinh phí

a. Nguồn ngân sách nhà nước cấp 2025

Chỉ đủ chi lương, chi chuyên môn các khoản chi thường xuyên của nhà trường

b. Nguồn ngân sách địa phương: không có

Như vậy: Nguồn kinh phí năm học 2025- 2026 trong ngân sách của nhà trường không có để bổ sung đủ CSVC.

V. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Mục đích huy động

Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo phù hợp với lứa tuổi mầm non.

Nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ

Giảm bớt gánh nặng ngân sách nhà nước, chia sẻ trách nhiệm giữa nhà nước, gia đình và xã hội trong việc chăm lo thể hệ mầm non

Phát huy tinh thần trách nhiệm và sự gắn kết của cộng đồng

Đảm bảo công bằng và cơ hội phát triển cho trẻ

2. Hình thức và nguyên tắc huy động

Huy động trên cơ sở đóng góp tự nguyện bằng tiền, hiện vật. Đảm bảo nguyên tắc tự nguyện. Việc thu chi đảm bảo đúng mục đích, đúng quy định, thống nhất công khai, quyết toán đúng quy định.

Nhà trường tổ chức huy động thu, chi, nhận tài trợ có các hồ sơ chứng từ để lưu giữ theo quy định về tài chính.

2.1- Đối tượng huy động: Các tổ chức, cá nhân, phụ huynh học sinh và doanh nghiệp trên địa bàn xã hoặc ở những nơi khác.

2.2- Thời gian: Trong năm học 2025 – 2026.

3. Nội dung huy động

TT	Nội dung vận động	Ghi chú
1	Vận động hỗ trợ xây dựng mới bếp ăn, nhà vệ sinh, hàng rào, sân chơi tại điểm Dê Dê, Tà Mò Sớ, Tà Chớ	Có bảng dự toán kèm theo
2	Vận động tài trợ thiết bị, dùng đồ chơi tại các điểm bản Dê Dê, Xà Phình, Tà Mò Sớ, Tà Chớ, Phi 2	Có bảng dự toán kèm theo

4. Dự kiến chi số tiền xã hội hóa: Tổng số tiền dự kiến để vận động tu sửa là 360.105.000đ (ba trăm sáu mươi triệu một trăm linh năm nghìn đồng)

5. Biện pháp tổ chức thực hiện

Ban giám hiệu nhà trường cùng ban đại diện cha mẹ học sinh thống nhất chủ trương, xây dựng kế hoạch công việc nêu rõ mục đích, đối tượng hưởng lợi, hình thức huy động tự nguyện, cách thức tổ chức thực hiện và dự kiến sử dụng số tiền huy động được. (dự kiến mức chi cụ thể.)

Ban giám hiệu nhà trường cùng ban đại diện cha mẹ học sinh công khai Kế hoạch để tranh thủ thêm sự tham gia ý kiến của cán bộ, giáo viên, phụ huynh trong toàn trường.

Ban giám hiệu nhà trường báo cáo UBND phường Mường Lay về chủ trương và kế hoạch huy động, quản lý kinh phí từ xã hội hóa. Trình Phòng VH-XH thẩm định và phê duyệt Kế hoạch.

Sau khi được phê duyệt, Ban giám hiệu nhà trường ra Quyết định thành lập Tổ tiếp nhận tài trợ, gồm có: Hiệu trưởng, nhân viên kế toán, đại diện hội cha mẹ học sinh, bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, giáo viên.

*** Tổ tiếp nhận tài trợ năm học: 2025 – 2026**

Cùng ban giám hiệu nhà trường thống nhất chủ trương xây dựng kế hoạch huy động.

Truyền thông rộng rãi về mục đích, ý nghĩa, nguyên tắc của hoạt động tài trợ; cung cấp thông tin về thời gian, địa chỉ, số tài khoản tiếp nhận tài trợ; nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng các khoản tài trợ.

Vận động huy động các nguồn đóng tài trợ, ủng hộ: bằng tiền, bằng hiện vật. Cùng ban giám hiệu nhà trường xây dựng dự toán, quản lý việc sử dụng kinh phí, quyết toán kinh phí huy động được.

*** Ban giám hiệu nhà trường**

Gửi thư đến các tổ chức cá nhân về việc vận động đóng góp tự nguyện nhằm tăng trưởng cơ sở vật chất của trường.

Chỉ đạo cho cán bộ, giáo viên phối hợp với chi hội phụ huynh các lớp, tuyên truyền phụ huynh học sinh và các nhà hảo tâm... về chủ trương, kế hoạch và vận động ủng hộ;

Cùng Ban đại diện hội CMHS thống nhất chủ trương xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí huy động.

Công khai kế hoạch vận động, số tài khoản ngân hàng nhà trường: 8902201001694 tại Ngân hàng Agribank chi nhánh Mường Lay Điện Biên để tiếp nhận tài trợ. Niêm yết công khai danh sách các tổ chức, cá nhân tự nguyện đóng góp trên trang thông tin điện tử, bảng tin của trường, (được cập nhật kịp thời trong thời gian vận động đóng góp). Lập thủ tục thu vào quỹ nhà trường số tiền hoặc tài khoản nhà trường để quản lý theo dõi.

Nhà trường phối hợp với Ban đại diện hội CMHS quản lý việc sử dụng kinh phí, tiến hành các công việc để thực hiện mua sắm, tu sửa hoặc xây dựng theo kế hoạch và đảm bảo theo các quy định hiện hành trong lĩnh vực xây dựng, mua sắm. Báo cáo các cá nhân, tổ chức tài trợ, UBND phường Mường Lay, Phòng VH-XH phường Mường Lay về kết quả thực hiện.

Tiến hành thủ tục nhập tài sản chung của đơn vị sau khi thực hiện xong.

*** Các cán bộ, giáo viên nhà trường cùng BCH hội phụ huynh các lớp (có danh sách kèm theo) tuyên truyền phụ huynh học sinh toàn trường, các tổ chức, cá nhân và các nhà hảo tâm... về chủ trương, kế hoạch và vận động ủng hộ.**

VI. Lịch thực hiện

Tháng	Nội dung	Cá nhân, bộ phận phụ trách
Tháng 8,9 /2025	- Khảo sát cụ thể hiện trạng về trang thiết bị, đồ dùng dạy và học, cải tạo, sửa chữa, xây dựng các hạng mục công trình phục vụ hoạt động giáo dục. - Tổ chức họp phụ huynh ở các lớp thông báo phương hướng thực hiện năm học 2025-2026, họp bàn thống nhất chủ trương xây dựng kế hoạch vận động tài trợ với hội đồng trường ban và đại diện CMHS. - Xây dựng kế hoạch xã hội hóa giáo dục năm học 2025-2026 - Lập dự toán kinh phí mua sắm trang thiết bị, tu sửa, cải tạo, sửa chữa các hạng mục công trình. - Thông qua Kế hoạch vận động tài trợ với CBGV, NV, Ban đại diện CMHS - Công khai kế hoạch vận động tài trợ xin ý kiến đóng góp và hoàn chỉnh Kế hoạch vận động - Thành lập Tổ tiếp nhận, quản lý, sử dụng các nguồn tài trợ. - Làm tờ trình trình cấp trên phê duyệt. - Phân công nhiệm vụ thành viên. - Họp Phụ huynh học sinh để triển khai vận động (công khai số TK của trường để tiếp nhận bằng chuyển khoản, địa chỉ nhận hồ trợ hiện vật) - Gửi thư tới các cơ quan, đơn vị, cá nhân để vận động (công khai số tài khoản của trường để tiếp nhận bằng chuyển khoản, địa chỉ nhận hồ trợ hiện vật) - Lập kế hoạch sử dụng các nguồn tài trợ, thực hiện công khai. - Tiếp nhận các nguồn tài trợ	- Lãnh đạo nhà trường - Lãnh đạo nhà trường - Tổ tiếp nhận tài trợ
Tháng 10/2025	- Tiếp tục tiếp nhận các nguồn tài trợ (nếu có) - Lập biên lai thu tiền, lập biên bản bàn giao hồ sơ và hiện vật tài trợ (nếu có). - Vận động tài trợ thiết bị, dùng đồ chơi tại các điểm bản Đê Dê, Tà Mò Sô - Công khai số tài khoản ngân hàng nhà trường: 8902201001694 tại Ngân hàng Agribank chi nhánh Mường Lay Điện Biên để tiếp nhận tài trợ.	- BGH nhà trường, kế toán, GV, NV và nhân dân ở trung tâm trường. - Tổ tiếp nhận tài trợ

	- Thực hiện cải tạo, sửa chữa, xây dựng các hạng mục ở Đê Dê, Tia Mò Sô	
Tháng 11+12/2025	- Tiếp tục tiếp nhận các nguồn tài trợ (nếu có) - Lập biên lai thu tiền, lập biên bản bàn giao hồ sơ và hiện vật tài trợ (nếu có). - Vận động tài trợ thiết bị, dùng đồ chơi tại các điểm bản Tia Mò Sô, Tia Chớ, Phi 2 - Công khai số tài khoản ngân hàng nhà trường: 8907201003892 tại Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện Mường Chà để tiếp nhận tài trợ - Nộp tiền vào TK nhà trường - Tiếp tục thực hiện cải tạo, sửa chữa, xây dựng các hạng mục công trình phục vụ hoạt động giáo dục tại điểm trường Tia Mò Sô	- BGH nhà trường, kế toán, GV, NV và nhân dân ở điểm Háng Dù - Tổ tiếp nhận tài trợ
Tháng 1+2/2026	- Tiếp tục tiếp nhận các nguồn tài trợ (nếu có) - Lập biên lai thu tiền, lập biên bản bàn giao hồ sơ và hiện vật tài trợ (nếu có). - Tiếp tục vận động tài trợ thiết bị, dùng đồ chơi tại các điểm bản Tia Chớ, Phi 2 - Công khai số tài khoản ngân hàng nhà trường: 8902201001694 tại Ngân hàng Agribank chi nhánh Mường Lay Điện Biên để tiếp nhận tài trợ - Nộp tiền vào TK nhà trường - Thực hiện cải tạo, sửa chữa, xây dựng các hạng mục công trình phục vụ hoạt động giáo dục tại điểm trường Tia Chớ.	- BGH nhà trường, kế toán, GV, NV và nhân dân ở điểm Sá Tổng - Tổ tiếp nhận tài trợ
Tháng 3+4/2026	- Tiếp tục tiếp nhận các nguồn tài trợ (nếu có) - Lập biên lai thu tiền, lập biên bản bàn giao hồ sơ và hiện vật tài trợ (nếu có). - Tiếp tục cải tạo cảnh quan môi trường tại khu trung tâm	- BGH nhà trường, kế toán, GV, NV và nhân dân ở trung tâm trường. - Tổ tiếp nhận tài trợ
Tháng 5/2026	- Thực hiện các hoạt động giáo dục có trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học - Tổng kết công tác tiếp nhận, rút kinh nghiệm, thực hiện công tác báo cáo công khai, công tác báo cáo tài chính... - Dự kiến kế hoạch công tác xã hội hóa giáo dục cho	- BGH nhà trường, kế toán - Tổ tiếp nhận tài trợ

các năm tiếp theo.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Phòng VH-XH;
- UBND Phường(bc);
- Ban đại diện CMHS;
- Website trường;
- Lưu HT, V



Lò Thị Liên Dương

DỰ TOÁN CHI CÁC NỘI DUNG HUY ĐỘNG TỪ NGUỒN VẬN ĐỘNG XÃ HỘI HÓA GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo KH số:86 /KH- MNS1ST ngày 30/09/2025 của trường
mầm non số 1 Sá Tổng)

1. Tu sửa cơ sở vật chất tại bản Đề Đề

- Tu sửa hàng rào, xây dựng nhà vệ sinh, nhà bếp, láng lại nền sân

1.1. Dự trù kinh phí làm nhà vệ sinh

STT	VẬT LIỆU	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Gạch	viên	3.000	2.000	6.000.000	
2	Cát	khối	6	570.000	3.420.000	
3	Xi măng	Bao	40	80.000	3.200.000	
4	Gạch lát	m2	12	110.000	1.320.000	
5	Sơn lót, màu	Thùng	2	800.000	1.600.000	
6	Tôn mái	m2	16	115.000	1.840.000	
7	Cửa vệ sinh 2 cửa nam , nữ	m2	3	800.000	2.400.000	
8	Sắt 4x4	cây	6	200.000	1.200.000	
9	Ống nhựa 90	cây	3	90.000	270.000	
10	Cút tê 90	Cái	4	25.000	100.000	
11	Bịt đầu 90	Cái	2	50.000	100.000	
12	Xi măng trắng	Kg	2	30.000	60.000	
13	Ống 34	Cây	2	50.000	100.000	
14	Cút vuông 34	Cái	4	25.000	100.000	
15	Vít 4	Túi	2	60.000	120.000	
16	Dây điện	m	15	12.000	180.000	
17	Bóng điện, đui	Bộ	2	70.000	140.000	
18	Bảng công tác	Cái	1	90.000	90.000	
19	Bệ xí	Cái	4	250.000	1.000.000	
20	Thép phi 6	Kg	20	25.000	500.000	
21	Thép phi 10	Kg	40	25.000	1.000.000	

22	Vận chuyển				4.000.000	
23	Công thợ				10.000.000	
	Tổng				38.740.000	

1.2. Dự trù kinh phí làm nhà bếp

STT	VẬT LIỆU	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Cửa chính, cửa sổ	m2	3,5	800.000	2.800.000	
2	Sắt 4x4	cây	10	200.000	2.000.000	
3	Tôn mái	m2	30	115.000	3.450.000	
4	Trần	M2	20	120.000	2.400.000	
5	Hộp vuông 3	Cây	8	160.000	1.280.000	
6	Vít 4	Tui	3	60.000	180.000	
7	Dây điện	m	50	40.000	200.000	
8	Bóng điện, ổ cắm	Cái	2	200.000	400.000	
9	Xi măng	Bao	70	80.000	5.600.000	
10	Xi măng trắng	Kg	4	30.000	120.000	
11	Úp nóc, úp sườn	m	20	50.000	1.000.000	
12	Gạch	viên	4.500	2.000	9.000.000	
13	Cát	khối	8	570.000	4.560.000	
14	Gạch lát	m2	25	115.000	2.875.000	
15	Gạch ốp bếp chia thức ăn	M2	8	90.000	720.000	
16	Sơn lót, màu	Thùng	3	800.000	2.400.000	
17	Thép phi 10	Kg	80	25.000	2.000.000	
18	Thép phi 6	Kg	100	25.000	2.500.000	
20	Vận chuyển			6.000.000	6.000.000	
21	Công thợ				15.000.000	
	Tổng				64.485.000	

1.3. Dự trù kinh phí tu sửa hàng rào, láng lại sân chơi

Stt	Đồ dùng	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Cát	Khối	6	570.000	3.420.000	
2	Đất	xe	4	1000.000	4.000.000	
3	Xi măng	bao	30	80.000	2.400.000	
4	Gạch	viên	1000	2.000	2.000.000	
6	Sắt hộp 4x4	Cây	6	150.000	900.000	
7	B40	Kg	100	20.000	2.000.000	
8	Thép 2 ly	Kg	2	25.000	50.000	
	Tổng cộng				14.770.000	

2. Tu sửa cải tạo điểm trường Tia Mò Sô

2.1. Dự trù kinh phí tu sửa nhà vệ sinh

STT	VẬT LIỆU	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Gạch	viên	3.000	2.000	6.000.000	
2	Cát	khối	6	570.000	3.420.000	
3	Xi măng	Bao	40	80.000	3.200.000	
4	Gạch lát	m2	12	110.000	1.320.000	
5	Sơn lót, màu	Thùng	2	800.000	1.600.000	
6	Tôn mái	m2	16	115.000	1.840.000	
7	Cửa vệ sinh 2 cửa nam , nữ	m2	3	800.000	2.400.000	
8	Sắt 4x4	cây	6	200.000	1.200.000	
9	Ống nhựa 90	cây	3	90.000	270.000	
10	Cút tê 90	Cái	4	25.000	100.000	
11	Bịt đầu 90	Cái	2	50.000	100.000	
12	Xi măng trắng	Kg	2	30.000	60.000	
13	Ống 34	Cây	2	50.000	100.000	

14	Cút vuông 34	Cái	4	25.000	100.000	
15	Vít 4	Túi	2	60.000	120.000	
16	Dây điện	m	15	12.000	180.000	
17	Bóng điện, đui	Bộ	2	70.000	140.000	
18	Bảng công tác	Cái	1	90.000	90.000	
19	Bệ xí	Cái	4	250.000	1.000.000	
20	Thép phi 6	Kg	20	25.000	500.000	
21	Thép phi 10	Kg	40	25.000	1.000.000	
22	Vận chuyển				4.000.000	
23	Công thợ				10.000.000	
	Tổng				38.740.000	

2.2. Dự trù kinh phí làm nhà bếp

STT	VẬT LIỆU	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Cửa chính, cửa sổ	m2	3,5	800.000	2.800.000	
2	Sắt 4x4	cây	10	200.000	2.000.000	
3	Tôn mái	m2	30	115.000	3.450.000	
4	Trần	M2	20	120.000	2.400.000	
5	Hộp vuông 3	Cây	8	160.000	1.280.000	
6	Vít 4	Túi	3	60.000	180.000	
7	Dây điện	m	50	40.000	200.000	
8	Bóng điện, ổ cắm	Cái	2	200.000	400.000	
9	Xi măng	Bao	70	80.000	5.600.000	
10	Xi măng trắng	Kg	4	30.000	120.000	
11	Úp nóc, úp sườn	m	20	50.000	1.000.000	
12	Gạch	viên	4.500	2.000	9.000.000	
13	Cát	khối	8	570.000	4.560.000	
14	Gạch lát	m2	25	115.000	2.875.000	
15	Gạch ốp bếp	M2	8	90.000	720.000	

	chia thức ăn					
16	Sơn lót, màu	Thùng	3	800.000	2.400.000	
17	Thép phi 10	Kg	80	25.000	2.000.000	
18	Thép phi 6	Kg	100	25.000	2.500.000	
20	Vận chuyển			6.000.000	6.000.000	
21	Công thợ				15.000.000	
	Tổng				64.485.000	

2.3. Dự trù kinh phí tu sửa hàng rào, láng lại sân chơi

Stt	Đồ dùng	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Cát	Khối	6	570.000	3.420.000	
2	Xi măng	bao	30	80.000	2.400.000	
3	Gạch	viên	1.000	2.000	2.000.000	
4	Sắt hộp 4x4	Cây	8	150.000	1.200.000	
5	B40	Kg	200	20.000	4.000.000	
6	Vận chuyển	Chuyên	1	2000.000	2.000.000	
7	Thép 2 ly	Kg	4	25.000	100.000	
	Tổng cộng				15.120.000	

3. Tu sửa cải tạo điểm trường Tia Chớp

3.1. Dự trù kinh phí tu sửa nhà vệ sinh

STT	VẬT LIỆU	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Gạch	viên	3.000	2.000	6.000.000	
2	Cát	khối	6	570.000	3.420.000	
3	Xi măng	Bao	40	80.000	3.200.000	
4	Gạch lát	m2	12	110.000	1.320.000	
5	Sơn lót, màu	Thùng	2	800.000	1.600.000	
6	Tôn mái	m2	16	115.000	1.840.000	

7	Cửa vệ sinh 2 cửa nam , nữ	m2	3	800.000	2.400.000	
8	Sắt 4x4	cây	6	200.000	1.200.000	
9	Ống nhựa 90	cây	3	90.000	270.000	
10	Cút tê 90	Cái	4	25.000	100.000	
11	Bịt đầu 90	Cái	2	50.000	100.000	
12	Xi măng trắng	Kg	2	30.000	60.000	
13	Ống 34	Cây	2	50.000	100.000	
14	Cút vuông 34	Cái	4	25.000	100.000	
15	Vít 4	Túi	2	60.000	120.000	
16	Dây điện	m	15	12.000	180.000	
17	Bóng điện, đui	Bộ	2	70.000	140.000	
18	Bảng công tác	Cái	1	90.000	90.000	
19	Bê xi	Cái	4	250.000	1.000.000	
20	Thép phi 6	Kg	20	25.000	500.000	
21	Thép phi 10	Kg	40	25.000	1.000.000	
22	Vận chuyển				4.000.000	
23	Công thợ				10.000.000	
	Tổng				38.740.000	

3.2. Dự trù kinh phí làm nhà bếp

STT	VẬT LIỆU	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Cửa chính, cửa sổ	m2	3,5	800.000	2.800.000	
2	Sắt 4x4	cây	10	200.000	2.000.000	
3	Tôn mái	m2	30	115.000	3.450.000	
4	Trần	M2	20	120.000	2.400.000	
5	Hộp vuông 3	Cây	8	160.000	1.280.000	
6	Vít 4	Túi	3	60.000	180.000	

7	Dây điện	m	50	40.000	200.000	
8	Bóng điện, ổ cắm	Cái	2	200.000	400.000	
9	Xi măng	Bao	70	80.000'	5.600.000	
10	Xi măng trắng	Kg	4	30.000	120.000	
11	Úp nóc, úp sườn	m	20	50.000	1.000.000	
12	Gạch	viên	4.500	2.000	9.000.000	
13	Cát	khối	8	570.000	4.560.000	
14	Gạch lát	m2	25	115.000	2.875.000	
15	Gạch ốp bếp chia thức ăn	M2	8	90.000	720.000	
16	Sơn lót, màu	Thùng	3	800.000	2.400.000	
17	Thép phi 10	Kg	80	25.000	2.000.000	
18	Thép phi 6	Kg	100	25.000	2.500.000	
20	Vận chuyển			6.000.000	6.000.000	
21	Công thợ				15.000.000	
	Tổng				64.485.000	

3.3. Dự trù kinh phí tu sửa hàng rào, láng lại sân chơi

Stt	Đồ dùng	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Cát	Khối	12	570.000	6.840.000	
2	Xi măng	bao	30	80.000	2.400.000	
3	Gạch	viên	1.000	2.000	2.000.000	
4	Sắt hộp 4x4	Cây	8	150.000	1.200.000	
5	B40	Kg	200	20.000	4.000.000	
6	Xe chở	Chuyến	2	2000.000	4.000.000	
7	Thép 2 ly	Kg	4	25.000	100.000	
	Tổng cộng				20.540.000	